TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26/01/2021
"*V/v: Hôn nhân và Gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng.
Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:207/2020/TLST- HNGĐ, ngày 01/10/2020 về việc "Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị K**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm M, xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT, có mặt.

Bị đơn: Anh **Hà Văn N**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm M, xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông **Lã Thành Công** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT, cử có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chị Hà Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 chị cùng anh Hà Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã XĐ, huyện TS, tỉnh PT. Trước khi kết hôn hai bên được tự nguyện tìm hiểu, thỏa

thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn xây dựng gia đình. Kể từ thời điểm đó chị cùng anh N chính thức ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm.Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung cháu Hà Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2018. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần trực tiếp đến gia đình anh N để thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho anh N và người thân của anh, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Cụ thể việc cấp tống đạt, niêm yết như sau: Ngày 02/10; 08/10; 15/10/2020 *(thể hiện tại bút lục 18;19;24;29)* Tòa án cùng địa phương đã gặp trực tiếp bố đẻ anh N là ông Hà Văn Binh để giao các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không có mặt theo các giấy báo của Toà án. Do đó, ngày 26/10/2020 Tòa án đã có biên bản làm việc, biên bản xác minh với Bố anh N; Trưởng khu hành chính; Tư pháp xã và Phó Chủ tịch UBND xã nơi anh N cư trú để xác định về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn của chị K; anh N để làm căn cứ giải quyết vụ án theo qui định *(thể hiện tại bút lục 41;42).*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh PT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177; khoản 1, khoản 2 Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thực tế của chị K; anh N là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị K được ly hôn anh N là phù hợp.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung Hà Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2018. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung, hiện cháu T dưới 36 tháng tuổi và đang ở

cùng chị K, nên cần giao cháu Hà Thị Hồng T cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung; công nợ và công sức: Chị K không đặt ra giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh N không có mặt nên không xem xét giải quyết.

Quan điểm người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn:

Về hôn nhân: Việc chị K; anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên chị K có đơn xin ly hôn anh Hà Văn N. Thấy rằng chị K; anh N là không còn khả năng duy trì hạnh phúc mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị K được ly hôn anh N.

Về con chung: Có một con chung Hà Thị Hồng T hiện cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Thị Hồng T cho chị K nuôi dưỡng.

Về tài sản; công nợ và công sức: Đồng ý với quan điểm chị K không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về trình tự, thủ tục tố tụng**: Chị N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT cho chị được ly hôn với anh Hà Văn N. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT.

[2] **Về việc vắng mặt Bị đơn:** Tại phiên tòa ngày hôm nay Bị đơn anh Hà Văn N vắng mặt, tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT đã thực hiện việc cấp tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định. Căn cứ vào khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 179, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh PT xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Năm 2018 chị K; anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị K; anh N được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, hai bên

đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn xây dựng gia đình. Nên đầu năm 2020 chị K đã bỏ nhà chồng về nhà Bố; Mẹ đẻ chị sinh sống tại Bản Cơi, xã Mường Cơi, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến nay. Kể từ thời điểm ly thân, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị K; anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu chị K xử cho chị được ly hôn anh Hà Văn N là phù hợp.

[4] **Về nuôi chung**: Chị K; anh N có một con chung cháu Hà Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2018. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu T, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung**,** hiện cháu T dưới 36 tháng tuổi và đang ở cùng chị K, nên cần giao cháu Hà Thị Hồng T cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] **Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Chị K không yêu cầu và anh N vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] **Về tài sản chung; công nợ và công sức**: Chị K không yêu cầu và anh N vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] **Về án phí**: Chị K phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1; 2 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, khoản 2 Điều 179, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.**Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Hà Thị K được ly hôn anh Hà Văn N.

2.**Về con chung:** Giao cho chị Hà Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Hồng T, sinh ngày 08/12/2018, kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi thành niên, lao động tự túc được. Anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.**Về tài sản chung; công nợ và công sức**: Chị K không yêu cầu và anh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì nộp đơn yêu cầu khởi kiện vụ án theo quy định của pháp luật.

4.**Về án phí:** Chị Hà Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị K đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh PT 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số 008824 ngày 01/10/2020.

5. **Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ Bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã XĐ, huyên TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí